TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Xuân Quyền

2. Bà Đặng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hải Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 30/2024/QĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Tiến V, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-8-2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà chung sống với ông Đỗ Tiến V từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đến thời điểm này bà H và ông V vẫn chưa đăng ký kết hôn nên bà H yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông

Đỗ Tiến V

Về con chung: Bà và ông V có 04 con chung là Đỗ Tiến H, sinh năm 1989; Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1991; Đỗ Thị Hồng A, sinh năm 2000 và Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012. Hiện nay các con đã trưởng thành; còn cháu L thì chưa đủ 18 tuổi. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Tiến V trình bày: Về thời gian chung sống với bà H nhưng không đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Quá trình sống chung ông với bà H không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm giữa ông với bà H không còn nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà H thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông với bà H có 04 người con chung gồm: Đỗ Tiến H, sinh năm 1989; Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1991; Đỗ Thị Hồng A, sinh năm 2000 và Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012. Hiện nay các con đã trưởng thành; còn cháu L thì chưa đủ 18 tuổi. Nay bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu cấp dưỡng thì ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2023, cháu Đỗ Tiến Hoàng L có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Đặng Thị H (Bút lục 25).

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự: Đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà Đặng Thị H và ông Đỗ Tiến V là vợ chồng. Về con chung: Giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng, có 04 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bị đơn cư trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng trước khi mở phiên toà nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông V thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, bà H và ông V cùng sinh sống tại xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng sau đó đến năm 2007, ông bà và các con chuyển đến sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Toà án đã tiến hành xác minh và được Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng trả lời "*Từ năm 1989 đến năm 2007 bà Đặng Thị H và ông Đỗ Tiến V có sinh sống tại thôn 01, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là tổ dân phố 12, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; Bà Đặng Thị H và ông Đỗ Tiến V không có đăng ký kết hôn*" (bút lục 31). Tại biên bản xác minh ngày 17-01-2024, Uỷ ban nhân dân xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông đã cung cấp thông tin "*Từ ngày 12-01-2007 đến nay ông V và bà H có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn*". Căn cứ giấy tờ do nguyên đơn cung cấp gồm sổ hộ khẩu gia đình, giấy các nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con xác định được thời điểm bà H và ông V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Như vậy, việc bà H và ông V chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có 04 người con chung gồm: Đỗ Tiến H, sinh năm 1989; Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1991; Đỗ Thị Hồng A, sinh năm 2000 và Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012. Hiện nay các con đã trưởng thành; còn cháu L thì chưa đủ 18 tuổi. Nay bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu cấp dưỡng thì ông V đồng ý. Do đó, có căn cứ giao cháu Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012 cho bà H được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H. Không công nhận bà Đặng Thị H và ông Đỗ Tiến V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Tiến Hoàng L, sinh ngày 11-12-2012 cho bà Đặng Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Tiến V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người được trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003818 ngày 29-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Huế